

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	6,048,360	6,048,360	2,935,403	2,935,403	48.53	48.53
I	Các khoản thu 100%	56,000	56,000	26,837	26,837	47.92	47.92
1	Phí, lệ phí	12,000	12,000	7,422	7,422	61.85	61.85
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14,000	14,000	15,000	15,000	107.14	107.14
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4,415	4,415		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30,000	30,000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	285,000	285,000	310,573	310,573	108.97	108.97
1	Các khoản thu phân chia	149,000	149,000	42,026	42,026	28.21	28.21
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	68,000	68,000	4,765	4,765	7.01	7.01
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21,000	21,000	16,900	16,900	80.48	80.48
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	60,000	60,000	20,360	20,360	33.93	33.93
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	136,000	136,000	268,547	268,547	197.46	197.46
21	Thu tiền sử dụng đất			154,091	154,091		
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	88,000	88,000	71,176	71,176	80.88	80.88

25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	48,000	48,000	43,280	43,280	90.17	90.17
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	1,074,366	1,074,366				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,632,994	4,632,994	2,597,994	2,597,994	56.08	56.08
1	Thu bổ sung cân đối	3,955,000	3,955,000	1,920,000	1,920,000	48.55	48.55
2	Thu bổ sung có mục tiêu	677,994	677,994	677,994	677,994	100.00	100.00